

Số: /KH-UBND

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 5609/KH-UBND ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024;

Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong việc kê khai, công khai, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập. Góp phần minh bạch hóa hoạt động công vụ, ngăn chặn, phòng ngừa lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì động cơ vụ lợi, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, nâng cao hiệu quả việc thu hồi tài sản tham nhũng; phục vụ công tác kiểm soát tài sản, thu nhập và công tác quản lý cán bộ.

2. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai đầy đủ, trung thực về tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập và giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên. Việc tổ chức kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải đảm bảo kịp thời, đúng thời gian và trình tự, thủ tục. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tổ chức quán triệt, hướng dẫn và triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

II. Nội dung thực hiện

1. Xác định đúng đối tượng kê khai tài sản, thu nhập

a) Đối với kê khai tài sản, thu nhập lần đầu là những đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng (các đối tượng mới tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị).

b) Đối với kê khai tài sản, thu nhập bổ sung được quy định tại khoản 2, Điều 36 của Luật phòng, chống tham nhũng, là những đối tượng đã kê khai lần đầu nhưng có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên thì phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

c) Đối với kê khai tài sản, thu nhập hàng năm gồm những đối tượng:

- Những người giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên) được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Những người có nghĩa vụ kê khai hằng năm được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng: “*Người không thuộc quy định tại điểm a khoản này làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ...*”; Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm:

+ Các ngạch công chức và chức danh: Chấp hành viên; Điều tra viên; Kế toán viên; Kiểm lâm viên; Kiểm sát viên; Kiểm soát viên ngân hàng; Kiểm soát viên thị trường; Kiểm toán viên; Kiểm tra viên của Đảng; Kiểm tra viên hải quan; Kiểm tra viên thuế; Thanh tra viên; Thẩm phán.

+ Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định cụ thể trong **105 danh mục** tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Đối với những người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm thì không kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

2. Nội dung thực hiện bao gồm các bước

a) Bước 1: Việc triển khai, tổ chức kê khai

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương căn cứ Kế hoạch này, ban hành kế hoạch, văn bản triển khai, kèm theo danh sách đối tượng kê khai tài sản thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm quy định tại mục I nêu trên để yêu cầu thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm. Việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng:

“1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập như sau: a) Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và gửi cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền; b) Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai; c) Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

2. Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu và gửi bản kê khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai”.

- Mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Người kê khai phải tuân thủ kê khai đúng theo mẫu kê khai tài sản, thu nhập, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung, không tự ý cắt bỏ những nội dung không có tài sản, phần biến động tài sản... (*những nội dung nào không có tài sản*

thì ghi chữ không có), kê khai đúng quy định tại mẫu của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (*kê khai lần đầu hay kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ, bổ sung*). Ví dụ: Đối tượng kê khai hàng năm thì ghi: **BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP HÀNG NĂM, NĂM 20...**; kê khai bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bầu cử... thì ghi: **BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ**.

- Tài sản, thu nhập phải kê khai theo quy định tại Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng.

“1. Tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm: a) Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng; b) Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên; c) Tài sản, tài khoản ở nước ngoài; d) Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. 2. Chính phủ quy định mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập quy định tại Điều này (Chính phủ đã quy định chi tiết tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 kèm theo mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập)”.

- Bản kê khai lần đầu: Sử dụng cho các đối tượng mới tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị. Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III *“Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”*.

- Bản kê khai bổ sung: Sử dụng cho những đối tượng đã kê khai lần đầu nhưng có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên (*trừ đối tượng đã kê khai hàng năm*).

- Bản kê khai hàng năm: Sử dụng cho những đối tượng giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên (*có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên*) được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng và những người có nghĩa vụ kê khai hàng năm được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Người kê khai: Sau khi kê khai xong phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai, ghi ngày hoàn thành việc kê khai; **nộp 02 bản** cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai theo đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP; hoàn thành việc kê khai **chậm nhất đến ngày 30/12/2024** theo quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng.

b) Bước 2: Tiếp nhận, bàn giao, công khai bản kê khai tại các cơ quan, đơn vị

- Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai **phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai**.

Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm nhận bản kê khai. Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai tại đơn vị mình theo quy định tại Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng và khoản 6, khoản 8, Điều 3 Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

+ Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập theo Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng: **“1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai. 2. Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng. 3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền”**.

- Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập:

+ Theo Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng: **“1. Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc. 2. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm. 3. Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử. 4. Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. 5. Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp Nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý”**.

+ Theo Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

“1. Việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như sau: a) Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởngb) Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai của các phòng, ban, đơn vị thuộc thành phố được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức cấp xã;

2. Việc công khai bản kê khai tại cuộc họp đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng chống tham nhũng được thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

4. Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

5. Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị”.

Lưu ý: Các cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn một trong hai hình thức để công khai: (1) Niêm yết tại đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc, thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày làm việc, vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai hoặc (2) Công khai tại cuộc họp cơ quan theo quy định trên (không phải công khai tại cuộc họp chi bộ, đảng bộ như một số đơn vị đã thực hiện trong thời gian qua).

c) Bước 3: Việc bàn giao bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền quy định

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao 01 bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Phòng, chống tham nhũng và khoản 6, khoản 8, Điều 3 Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

- Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quản lý phải bàn giao về Thanh tra tỉnh (thông qua Thanh tra thành phố), được quy định tại Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Đối với người giữ chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thực hiện bàn giao bản kê khai hàng năm theo quy định tại khoản 6, khoản 8, Điều 3 Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, quy định: “6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thành ủy kiểm soát tài sản, thu nhập của những người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quản lý và những người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập, công tác trong các cơ quan đảng của tỉnh....8. Ủy ban kiểm tra Quận ủy, Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy kiểm soát tài sản, thu nhập của những người thuộc diện Ban Thường vụ Quận ủy, Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy quản lý và những người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập, công tác trong các cơ quan đảng của huyện, xã...”. Theo đó, toàn bộ bản kê khai hàng năm của người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và những người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập, công tác trong các cơ quan đảng của Thành ủy phải gửi về Ủy ban Kiểm tra Thành ủy. **Đồng thời, báo cáo kết quả số liệu về Thanh tra thành phố để tổng hợp toàn thành phố, báo cáo kết quả về Thanh tra Tỉnh.**

- Thời gian báo cáo: Báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung, hàng năm của năm 2024 (mẫu báo cáo kèm theo), liệt kê danh sách từng nhóm đối tượng kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm của cơ quan, đơn vị mình, gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (**thông qua Thanh tra thành phố**) và Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Thành ủy **chậm nhất là ngày 03/01/2025.**

III. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các phòng, ban, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp căn cứ nội dung tại mục II kế hoạch này và theo chức năng nhiệm vụ được giao:

a) Khẩn trương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc kê khai, công khai, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm năm 2024 của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Bàn giao bản kê khai tài sản thu nhập cho cơ quan kiểm soát thu nhập và theo thẩm quyền quy định nêu trên.

c) Báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung, hàng năm của năm 2024 gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Thanh tra thành phố) và bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm của năm 2024 về Thanh tra thành phố theo đúng thời gian nêu trên.

d) **Lưu ý: Việc tổ chức thực hiện kê khai, công khai, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập** theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục, các bước nêu trên, theo hướng dẫn tại Văn bản số 953/TTr-TTT ngày 30/9/2023 của Thanh tra tỉnh hướng dẫn chi tiết kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4722/UBND-TCD ngày 10/11/2023 về việc chấn chỉnh kê khai tài sản, thu nhập và

Công văn số 5320/UBND-TCD ngày 12/11/2024 về việc triển khai Văn bản số 6051-CV/TU ngày 5/11/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kê khai, kiểm soát tài sản thu nhập; Công văn số 4633/UBND-TTra ngày 06/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc rà soát, triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn tại các cơ quan, đơn vị; Công văn số 6169/UBND-TTra ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kê khai, kiểm soát tài sản thu nhập. Trường hợp vẫn để xảy ra việc kê khai tài sản, thu nhập không đúng quy trình, quy định, lập lại các vi phạm, hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra trước đây thì Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, phường, xã đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đề nghị các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của Thành ủy; các đơn vị sự nghiệp, tổ chức Đảng thuộc Thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố có Báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung, hàng năm của năm 2024 gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Thanh tra thành phố), để Thanh tra thành phố tổng hợp số liệu báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh.

3. Giao Thanh tra thành phố có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả kê khai tài sản, thu nhập theo thẩm quyền trong phạm vi quản lý của thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu, bổ sung và hàng năm năm 2024 trên địa bàn thành phố gửi về Thanh tra tỉnh theo quy định.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, hướng dẫn lập danh sách, triển khai thực hiện kê khai nghiêm túc, hiệu quả. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh (bằng văn bản) hoặc trao đổi về Thanh tra thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT. UBND thành phố;
- Các ban Đảng thuộc Thành ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Các Hội đặc thù của thành phố;
- Lưu: VT, TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phú